

DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ DANH SÁCH CÁC NHÀ KHOA HỌC HƯỚNG DẪN NCS

(Kèm theo Thông báo số 2059/TB-ĐHĐHVN ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2024)

I. TIÊU CHUẨN NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-ĐHĐHVN ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn với ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo, trong đó:

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Trường hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

II. DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NCS

1. NGÀNH: KỸ THUẬT CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC; MÃ SỐ: 9520116

1.1. Chuyên ngành: Khai thác, bảo trì tàu thủy

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|--|---------------------------------------|
| 1. Tận dụng nhiệt khí xả, thiết kế chế tạo máy lạnh | GS.TS. Lương Công Nhở |

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|--|---|
| <p>tàu thủy.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Tận dụng nhiệt mặt trời cho thiết kế chế tạo máy lạnh tàu thủy. 3. Tận dụng nhiệt động cơ Diesel tàu thủy 4. Tính toán các quá trình công tác động cơ diesel tàu thủy bằng các phần mềm hiện đại. 5. Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình phun nhiên liệu nhiều giai đoạn đến quá trình công tác của động cơ diesel tàu thủy. 6. Nghiên cứu ảnh hưởng của tốc độ hành trình đến hiệu quả làm mát của két nước ngọt dạng tấm cho động cơ diesel chính tàu thủy. 7. Chế tạo thử nghiệm thiết bị đo mô men xoắn hệ trục diesel tàu thủy. 8. Thiết kế chế tạo thử nghiệm hệ thống điều khiển cấp nhiên liệu điện tử cho động cơ diesel tàu thủy sử dụng nhiên liệu sinh học. 9. Cải tiến thiết bị cung cấp nhiên liệu cho động cơ diesel tàu thủy. 10. Các hướng nghiên cứu liên quan khác | <p>PGS.TSKH. Đặng Văn Uy PGS.TS. Nguyễn Đại An GS.TSKH. Đỗ Đức Lưu PGS.TS. Lê Văn Học PGS.TS. Nguyễn Hồng Phúc PGS.TS. Lê Văn Điềm PGS.TS. Nguyễn Huy Hào PGS.TS. Trần Hồng Hà PGS.TS. Trương Văn Đạo PGS.TS. Phạm Xuân Dương TS. Khiếu Hữu Triền TS. Ngô Ngọc Lân TS. Nguyễn Trí Minh TS. Đặng Văn Tuấn TS. Nguyễn Tuấn Anh TS. Lại Huy Thiện TS. Nguyễn Lan Hương TS. Đặng Thanh Tùng TS. Trần Tiên Anh TS. Phạm Văn Việt TS. Phạm Văn Triệu TS. Lưu Quang Hiệu TS. Lê Đăng Khánh TS. Đồng Xuân Thìn</p> |

1.2. Chuyên ngành: Máy và thiết bị tàu thủy

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Các chế độ chuyển tiếp động cơ diesel tàu thủy. 2. Nghiên cứu sử dụng hiệu quả năng lượng động cơ diesel tàu thủy. 3. Nghiên cứu, đánh giá việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ động cơ diesel tàu thủy. 4. Thiết bị nâng hạ, thiết bị tàu thủy, dao động hệ trục tàu TT. 5. Ảnh hưởng đặc tính nhiên liệu tới hệ thống cung cấp nhiên liệu của động cơ diesel tàu thủy. 6. Nghiên cứu hoán cải hệ thống tăng áp động cơ diesel tàu thủy đang khai thác nhằm cải thiện chế độ công tác. | <p>GS.TS. Lê Viết Lượng PGS.TS. Đào Ngọc Biên GS.TS. Lê Anh Tuấn PGS.TS. Nguyễn Mạnh Thường TS. Quán Trọng Hùng TS. Thẩm Bội Châu TS. Cao Đức Thiệp TS. Trần Thế Nam PGS.TS. Nguyễn Dương Nam TS. Nguyễn Tiến Dũng</p> |

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|---|--|
| 7. Các hướng nghiên cứu liên quan khác | PGS.TS. Hoàng Mạnh Cường PGS.TS. Hoàng Văn Nam PGS.TS. Phạm Đình Bá TS. Đỗ Văn Đoàn TS. Ngô Gia Việt |

2. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA; MÃ SỐ: 9520216

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|---|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Ứng dụng điều khiển thông minh trong truyền động điện công nghiệp (các loại động cơ điện). 2. Ứng dụng điều khiển thông minh trong điều khiển máy CNC và tay máy (cơ điện tử). 3. Ứng dụng điều khiển thông minh trong điều khiển chuyển động tàu thủy. 4. Ứng dụng điều khiển thông minh trong quá trình công nghiệp. 5. Điều khiển tối ưu, thích nghi, mờ cho các đối tượng có tham số và nhiễu thay đổi (động cơ xoay chiều 3 pha, lò nhiệt, khớp mềm, robot, tàu thủy, tàu ngầm,...). 6. Kỹ thuật thông tin, đo lường và cảm biến. 7. Nâng cao chất lượng của các bộ biến tần. 8. Nâng cao chất lượng điều khiển hệ thống cung cấp năng lượng điện tàu thủy. 9. Nâng cao chất lượng điều khiển hệ thống năng lượng điện tái tạo. 10. Nâng cao chất lượng điều khiển hệ động lực tàu thủy. 11. Phát triển điều khiển và giám sát bằng mạng truyền thông công nghiệp (ứng dụng trong các nhà máy và trên tàu thủy). 12. Nâng cao chất lượng điều khiển và giám sát từ xa. 13. Ứng dụng điều khiển thông minh trong tự động hóa truyền tải điện. 14. Các hướng nghiên cứu liên quan khác | PGS.TS. Lưu Kim Thành PGS.TS. Hoàng Xuân Bình PGS.TS. Trần Anh Dũng PGS.TS. Lê Quốc Vượng PGS.TS. Trần Xuân Việt PGS.TS. Trần Sinh Biên PGS.TS. Đào Minh Quân PGS.TS. Hoàng Đức Tuấn PGS.TS. Đinh Anh Tuấn PGS.TS. Nguyễn Khắc Khiêm TS. Phạm Văn Phước TS. Đặng Hồng Hải PGS.TS. Phạm Tâm Thành PGS.TS. Vương Đức Phúc GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn PGS.TS. Phạm Ngọc Tiệp GS.TSKH. Nguyễn Phùng Quang PGS.TS. Bùi Quốc Khánh PGS.TS. Nguyễn Văn Liễn GS.TS. Nguyễn Doãn Phước PGS.TSKH. Trần Hoài Linh PGS.TS. Trần Trọng Minh GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến PGS.TS. Nguyễn Tiến Ban PGS.TS. Nguyễn Trọng Thắng TS. Đỗ Khắc Tiệp |

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|--|--|
| | TS. Lê Đăng Khánh TS. Đỗ Việt Sử TS. Nguyễn Hữu Quyền TS. Nguyễn Văn Tiến TS. Đồng Xuân Thìn |

3. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY; MÃ SỐ: 9580202

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|---|---|
| 1. Nghiên cứu tính toán Động lực học công trình; 2. Nghiên cứu ứng dụng mô hình Vật lý Thủy lực trong Công trình thủy; 3. Nghiên cứu Bồi xói do sóng và dòng chảy; 4. Nghiên cứu mô phỏng trong Công trình thủy bằng ANSYS. 5. Nghiên cứu độ tin cậy khai thác của các công trình bến cảng 6. Nghiên cứu độ tin cậy khai thác của các công trình bảo vệ cảng và bờ biển 7. Nghiên cứu đánh giá rủi ro xây dựng các công trình thủy 8. Phân tích và dự báo rủi ro tai nạn trong xây dựng các công trình bến cảng 9. Phân tích và đánh giá nguồn dự trữ của công trình thủy 10. Nghiên cứu diễn biến luồng lạch 11. Thiết kế, quy hoạch tuyến vận tải thủy, công trình đường thủy 12. Công nghệ nạo vét 13. Nghiên cứu kết cấu mới, vật liệu mới, công nghệ thi công mới 14. Nghiên cứu độ bền mỏi công trình biển, công trình giao thông 15. Nghiên cứu xây dựng chương trình tính toán giải các bài toán đặc chủng 16. Nghiên cứu xử lý nền đất yếu phục vụ xây dựng công trình 17. Nghiên cứu các yếu tố điều kiện tự nhiên ảnh hưởng đến thiết kế công trình thủy 18. Nghiên cứu mô phỏng tương tác sóng với kết cấu | PGS.TS. Đào Văn Tuấn PGS.TS. Phạm Văn Thứ PGS.TS. Nguyễn Văn Ngọc PGS.TS. Nguyễn Thanh Sơn TS. Nguyễn Phan Anh PGS.TS. Trần Khánh Toàn TS. Trần Long Giang TS. Nguyễn Thị Diễm Chi TS. Bùi Quốc Bình PGS.TS. Đoàn Văn Duẩn PGS.TS. Lê Thị Hương Giang TS. Phạm Văn Khôi TS. Trần Ngọc An TS. Nguyễn Thị Hồng hạnh TS. Phạm Quốc Hoàn TS. Vũ Hữu Trường TS. Nguyễn Xuân Thịnh TS. Phạm Văn Toàn |

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|--|--|
| <p>rộng trong điều kiện Việt Nam</p> <p>19. Nghiên cứu mô phỏng sạt lở đất và sạt lở đất tạo sóng thần</p> <p>20. Đánh giá, chẩn đoán tuổi thọ kết cấu công trình.</p> <p>21. Nghiên cứu đặc trưng cơ lý và độ bền của vật liệu mới trong xây dựng công trình.</p> <p>22. Nghiên cứu một số biện pháp điều khiển nhằm giảm dao động của công trình biển cố định dưới tác dụng của sóng, gió, động đất.</p> | |

**4. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ VẬN TẢI;
MÃ SỐ: 9840103**

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|--|--|
| <p>1. Xây dựng mô hình dự báo lượng Container qua các cảng biển Việt Nam</p> <p>2. Tối ưu hóa khai thác đội tàu vận tải dầu của Việt Nam</p> <p>3. Tối ưu hóa hệ thống công nghệ vận tải than cung ứng cho các nhà máy nhiệt điện của Việt Nam.</p> <p>4. Thiết lập hệ thống vận tải nội địa phục vụ cho các cảng khu vực Hải Phòng</p> <p>5. Lộ trình cam kết về vận tải biển trong WTO và tác động của nó đến vận tải biển Việt Nam.</p> <p>6. Các giải pháp nhằm tham gia các công ước quốc tế về vận tải biển.</p> <p>7. Giải pháp phát triển các dịch vụ hàng container khu vực Hải Phòng.</p> <p>8. Công tác quản lý tài chính trong doanh nghiệp vận tải biển.</p> <p>9. Tối ưu hóa hệ thống vận tải hàng xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam.</p> <p>10. Nghiên cứu năng lực cạnh tranh của đội tàu vận tải biển.</p> <p>11. Nghiên cứu năng lực tài chính của đội tàu vận tải biển.</p> <p>12. Cơ cấu hóa doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam</p> <p>13. Các hướng nghiên cứu liên quan khác</p> | <p>PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Hồng Vân</p> <p>PGS.TS. Đặng Công Xưởng</p> <p>PGS.TS. Dương Văn Bạo</p> <p>PGS.TS. Vũ Trụ Phi</p> <p>PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm</p> <p>TS. Mai Khắc Thành</p> <p>TS. Lê Thanh Phương</p> <p>TS. Hoàng Chí Cường</p> <p>PGS.TS. Đan Đức Hiệp</p> <p>PGS.TS. Phạm Văn Cương</p> <p>GS.TS. Vương Toàn Thuyên</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn</p> <p>TS. Đặng Văn Hưng</p> <p>TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng</p> <p>TS. Nguyễn Minh Đức</p> <p>TS. Hoàng Thị Lịch</p> <p>TS. Hoàng Thị Phương Lan</p> <p>TS. Hoàng Thị Thúy Phương</p> <p>TS. Phạm Thị Thu Hằng</p> |

5. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC HÀNG HẢI; MÃ SỐ: 9840106

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|--|--|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. Tự động hóa điều khiển tàu biển và sử dụng các phương pháp hiện đại trong điều khiển tàu biển. 2. Mô hình hóa và mô phỏng quá trình làm việc và đánh giá hiệu quả tối ưu của hệ thống kỹ thuật hàng hải. 3. Tính toán, đánh giá độ tin cậy của hệ thống kỹ thuật hàng hải. 4. Tính toán hiệu quả làm việc tối ưu trong kênh thông tin của hệ thống vệ tinh hàng hải theo nhóm chỉ tiêu kỹ thuật an toàn hàng hải. 5. Hệ thống định vị vệ tinh toàn cầu, hệ thống DGPS, GMDSS, Hải đồ điện tử, hệ thống kỹ thuật hàng hải như: máy lái, máy đo sâu, radar,... 6. Đánh giá, phân tích, dự báo thời tiết biển, khí tượng thủy văn hàng hải, hải dương học, động lực học biển,... 7. Quản lý an toàn hàng hải, kiểm soát, điều phối giao thông hàng hải, mạng lưới hệ thống VTS,... 8. An toàn vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, xếp dỡ, ổn định tàu biển,... 9. Quản lý đội tàu, quản lý khai thác vận chuyển hàng hóa,... 10. Luật hàng hải, luật biển, các công ước quốc tế, tìm kiếm cứu nạn, sự cố hàng hải, tranh chấp, bảo hiểm hàng hải và bảo vệ môi trường biển 11. Bảo đảm an toàn hàng hải, hệ thống phao tiêu, luồng lạch. 12. Điều động tàu và quy tắc tránh va. 13. Điều khiển tối ưu, thích nghi, mờ cho các đối tượng phi tuyến có tham số và nhiễu thay đổi (chuyển động tàu thủy, điều khiển hướng đi, khớp mềm, robot, tàu thủy, tàu ngầm,...) 14. Xây dựng mô hình tối ưu đào tạo, huấn luyện thuyền viên. 15. Nghiên cứu tối ưu hóa quỹ đạo chuyển động tàu thủy trên một số tuyến luồng hàng hải. 16. Nghiên cứu ảnh hưởng của động lực học dòng chảy, gió, tổ hợp chân vịt-bánh lái, xâm thực bánh lái,... đến đặc tính điều khiển hướng và ổn định của tàu thủy. 17. Nghiên cứu về an ninh hàng hải 18. Nghiên cứu về tương tác thủy động học giữa tàu | <p>GS.TS. Phạm Kỳ Quang</p> <p>PGS.TS. Đinh Xuân Mạnh</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Cảnh Sơn</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Mạnh Cường</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Thái Dương</p> <p>TS. Nguyễn Đình Thạch</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Văn Sướng</p> <p>TS. Nguyễn Thành Lê</p> <p>PGS.TS. Phan Văn Hưng</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Viết Thành</p> <p>PGS.TS. Phạm Văn Thuận</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Kim Phương</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Công Vịnh</p> <p>PGS.TS. Lê Quốc Tiến</p> <p>PGS.TS. Nguyễn Minh Đức</p> <p>PGS.TS. Trần Văn Lượng</p> <p>TS. Nguyễn Thanh Sơn</p> <p>TS. Phạm Viết Cường</p> <p>PGS.TS. Trần Khánh Toàn</p> <p>PGS.TS. Trần Ngọc Tú</p> <p>PGS.TS. Đinh Anh Tuấn</p> <p>TS. Nguyễn Hữu Tuấn</p> <p>TS. Nguyễn Trọng Đức</p> <p>TS. Nguyễn Trung Đức</p> <p>TS. Phạm Văn Tân</p> |

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|---|---|
| với tàu, tàu với luồng khí hành trình trong vùng nước hạn chế. 19. Các hướng nghiên cứu liên quan khác | TS. Trần Đức Phú TS. Nguyễn Xuân Thịnh TS. Lương Tú Nam TS. Đỗ Văn Cường |

6. CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT TÀU THỦY; MÃ SỐ: 9520116

| Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|---|--|
| 1. Lý thuyết thiết kế: Nghiên cứu phát triển phương án và giải pháp thiết kế mới hiệu quả, thân thiện với môi trường. 2. Thủy động lực học: Nghiên cứu lĩnh vực thủy động lực học tàu thủy và công trình nổi. 3. Cơ học tàu thủy: Nghiên cứu bài toán tối ưu về sức bền, kết cấu tàu và công trình nổi. 4. Công nghệ đóng tàu: Nghiên cứu về giải pháp công nghệ đóng tàu hiệu quả và thân thiện với môi trường. 5. Tổ chức sản xuất: Nghiên cứu các mô hình quản lý nhà máy đóng tàu, quản lý sản xuất đóng tàu hiệu quả. 6. Thiết bị tàu và thiết bị công nghệ đóng tàu: Nghiên cứu phát triển, cải tiến để khai thác hiệu quả các thiết bị tàu thủy và thiết bị công nghệ đóng tàu. 7. Các hướng nghiên cứu liên quan khác | PGS.TS. Phạm Tiến Tinh PGS.TS. Lê Hồng Bang PGS.TS. Đỗ Quang Khải TS. Lê Văn Hạnh PGS.TS. Trần Ngọc Tú TS. Lê Thanh Bình TS. Vũ Văn Tuyền TS. Đỗ Tất Mạnh TS. Đỗ Quang Quận TS. Nguyễn Thị Thu Lê TS. Phạm Thành Trung |

7. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ; MÃ SỐ: 9310110

| TT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|-----------|---|--|
| 1 | - Khoa học quản lý kinh tế - Quản lý công trong kinh tế - Công tác lãnh đạo trong quản lý kinh tế - Công tác hoạch định phát triển kinh tế | PGS.TS. Đặng Công Xưởng |
| 2 | - Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả SXKD - Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường - Nâng cao hiệu quả tài chính của doanh nghiệp - Biện pháp chống thất thu thuế | PGS.TS. Nguyễn Văn Sơn PGS.TS. Vũ Trụ Phi |

| TT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|----|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001 - Nâng cao hiệu quả đầu tư công - Hoàn thiện quy trình xét duyệt và phân bổ ngân sách cho các địa phương | |
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Công tác lãnh đạo trong quản lý kinh tế - Công tác hoạch định phát triển kinh tế - Quản lý các chương trình và dự án nhà nước - Đầu tư trong quản lý kinh tế | PGS.TS. Nguyễn Hồng Vân |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Ra quyết định trong quản lý kinh tế - Quản lý rủi ro kinh tế - Thẩm định dự án đầu tư kinh tế | TS. Mai Khắc Thành TS. Lê Thanh Phương |
| 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nhà nước về kinh tế - Quản lý khoa học công nghệ - Đầu tư chương trình và dự án nhà nước | PGS.TS. Dương Văn Bạo TS. Nguyễn Minh Đức |
| 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa học tư duy hệ thống trong quản lý kinh tế - Quản trị chiến lược - Kỹ năng trong quản lý kinh tế | PGS.TS. Đỗ Mai Thơm TS. Nguyễn Thị Thúy Hồng |
| 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò và các biện pháp đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp tư nhân (trong các lĩnh vực CN, DV, NN) trên địa bàn Hải Phòng - Một số biện pháp thúc đẩy quá trình tái cấu trúc kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng của Thành phố Hải Phòng - Chiến lược và các biện pháp tiếp tục đẩy mạnh thu hút và sử dụng vốn FDI trên địa bàn Hải Phòng - Một số biện pháp xây dựng và phát triển Hải Phòng thành thành phố cảng xanh, văn minh, hiện đại. - Các chính sách và biện pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ (phụ trợ) nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng trong công nghiệp Hải Phòng | PGS.TS. Đan Đức Hiệp PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn TS. Hoàng Thị Lịch TS. Hoàng Thị Phương Lan TS. Hoàng Thị Thúy Phương TS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga TS. Quách Thị Hà TS. Nguyễn Văn TS. Lê Sơn Tùng TS. Tô Văn Tuấn TS. Đào Văn Thi |

| TT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể hướng dẫn NCS | Các nhà khoa học có thể hướng dẫn NCS |
|----|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Các biện pháp đẩy mạnh XHH phát triển các lĩnh vực Y tế, Giáo dục, Văn hóa, TDTT trên địa bàn Hải Phòng - Tái cấu trúc hoạt động các ngân hàng thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế - Một số biện pháp chủ yếu thực hiện tái cấu trúc kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng trong nông nghiệp phục trên địa bàn Hải Phòng - Biện pháp tăng cường hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý đô thị Hải Phòng theo hướng đô thị xanh, văn minh, hiện đại - Những chính sách và biện pháp đẩy mạnh hoạt động các doanh nghiệp dịch vụ cảng biển, Logistics trên địa bàn Hải Phòng - Các hướng nghiên cứu liên quan khác trong lĩnh vực kinh tế | <p>TS. Phùng Mạnh Trung TS. Trần Hoàng Hải</p> |
| 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nhà nước về kinh tế - Công tác lãnh đạo trong quản lý kinh - Quản trị kinh doanh (đối với doanh nghiệp) - Quản trị marketing - Quản trị nguồn nhân lực - Kinh tế vận tải biển - Quy hoạch, kế hoạch về hoạt động dịch vụ (vận tải biển + cảng biển) - Xây dựng chiến lược, chính sách cơ chế phát triển về lĩnh vực Hàng hải | <p>TS. Nguyễn Thị Liên TS. Hoàng Chí Cường</p> |
| 9 | <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế quốc tế - Pháp luật trong quản lý kinh tế - Đàm phán và giải quyết xung đột trong quản lý kinh tế | <p>TS. Phạm Thị Thu Hằng TS. Phạm Thị Yên</p> |
| 10 | <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư trong quản lý kinh tế - Quản lý rủi ro trong kinh tế - Quản lý nhà nước về kinh tế | <p>TS. Bùi Thị Thanh Nga</p> |

Ghi chú: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có thể mời thêm các nhà khoa học uy tín ngoài Trường thỏa mãn tiêu chuẩn, có ngành/chuyên ngành phù hợp tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh./

Hải Phòng, ngày 28 tháng 12 năm 2023

**TL. HIỆU TRƯỞNG
VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐTSĐH**

(đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Kim Phương